

Số: 359/QĐ-THCSMKII

Mạo Khê, ngày 07 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**"Về việc công bố công khai thực hiện dự toán Thu - Chi ngân sách
Quý III năm 2022".**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS MẠO KHÊ II

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND Thị xã Đông Triều " V/v phê duyệt các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các trường MN,TH,THCS,TH-THCS và Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn thị xã năm học 2021-2022 theo nghị quyết số 34/2021/NQ - HĐND Tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán ngân sách năm 2022 (Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2022);

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-PGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc giao phân bổ kinh phí hỗ trợ 100% học phí học kỳ II năm học 2021-2022 cho học sinh mầm non, THPT tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị xã Đông Triều;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-PGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục khác (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2022;

Căn cứ tình hình thực hiện thu - chi nguồn ngân sách Nhà nước quý III năm 2022 của trường THCS Mạo Khê II,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai việc thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2022 của Trường THCS Mạo Khê II (theo biểu mẫu 03 ngày 07 tháng 10 năm 2022).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Bộ phận hành chính kế toán và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, TTND, CD;
- Trang TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Ánh Tuyết

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 359/QĐ-THCSMKII ngày 07/10/2022 của Hiệu trưởng trường THCS Mạo Khê II)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán ngân sách năm 2022 (Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2022);

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-PGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc giao phân bổ kinh phí hỗ trợ 100% học phí học kỳ II năm học 2021-2022 cho học sinh mầm non, THPT tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thị xã Đông Triều;

Căn cứ Quyết định số 141/QĐ-PGDĐT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc phê duyệt phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục khác (nguồn kinh phí không tự chủ) năm 2022;

Trường THCS Mạo Khê II công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2022 như sau:

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2022	Thực hiện quý III năm 2022	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý III nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	3.086.655.560			
I	Số thu phí, lệ phí	1.670.000.000			
1	Học phí	1.670.000.000			
II	Số thu từ nguồn hoạt động SN khác	1.416.655.560			
1	Nước uống	101.448.000			
2	Trông giữ phương tiện giao thông	152.100.000			
3	Kỹ năng sống	172.806.600			
4	Học thêm các môn văn hóa	561.171.360			
5	Tiếng anh có yếu tố người nước ngoài	429.129.600			
III	Chi từ nguồn thu được để lại	-			
II.1	Chi từ nguồn học phí	-	-	-	-
II.2	Chi từ nguồn hoạt động SN khác	1.416.655.560	-		
1	Nước uống	101.448.000			
2	Trông giữ phương tiện giao thông	152.100.000			
3	Kỹ năng sống	172.806.600			
4	Học thêm các môn văn hóa	561.171.360			

5	Tiếng anh có yếu tố người nước ngoài	429.129.600			
IV	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.125.602.600	7.872.374.106	77,7	113,7
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	10.010.160.000	7.756.931.506	77,5	112,1
1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>8.414.500.000</u>	<u>6.423.497.833</u>	<u>365</u>	<u>104,6</u>
	Mục 6000: Tiền lương	4.439.300.000	3.439.814.792	77,5	111,7
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	36.000.000		71,6
	Mục 6100: Phụ cấp lương	2.109.000.000	1.859.825.244	88,2	90,6
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho HS, SV, CB đi công tác		10.000.000		
	Mục 6200: Tiền thưởng	32.500.000	30.600.000	94,2	105,3
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	30.000.000	14.540.000	48,5	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	1.803.700.000	1.024.492.997	56,8	112,3
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	8.224.800		49,1
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>1.129.500.000</u>	<u>841.029.273</u>	<u>74,5</u>	<u>113,4</u>
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	275.000.000	78.741.108	28,6	49,4
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	175.500.000	77.400.500	44,1	70,3
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	35.500.000	28.813.265	81,2	125,4
	Mục 6650: Hội nghị	10.000.000			
	Mục 6700: Công tác phí	50.000.000	89.808.000	179,6	300,5
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	133.500.000	115.070.400	86,2	129,0
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	225.000.000	146.721.000	65,2	200,1
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-			
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	205.000.000	304.475.000	148,5	121,4
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	20.000.000	-	0,0	0,0
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>466.160.000</u>	<u>492.404.400</u>	<u>105,6</u>	<u>1254,4</u>
	Mục 7750: Chi khác	466.160.000	492.404.400	105,6	1254,4
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	115.442.600	115.442.600		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	103.442.600	103.442.600		
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho HS, SV	12.000.000	12.000.000		

Mạo Khê, ngày 07 tháng 10 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Anh Tuyết